

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2025/DS-ST
Ngày 29 tháng 8 năm 2025
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Trao

Bà Hoài Đức Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồng Quốc Văn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 tham gia phiên tòa: Ông Trần Huỳnh Đức Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 264/2025 ngày 17 tháng 6 năm 2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số 45/2025/TB-TA ngày 07 tháng 7 năm 2025:

- Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam)

Địa chỉ: I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường S, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: ông Lee Yun H, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia vụ án: ông Trần Hải N, sinh năm 2002

Địa chỉ: B L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bị đơn: ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1994; Địa chỉ: số B, tổ C, ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai).

(các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Hải N trình bày:

Ngày 16/03/2023, Công ty T (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là “Công ty T”) ký Hợp đồng tín dụng số: 4402479 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng tín dụng”) về việc cấp tín dụng cho ông Nguyễn Minh K với khoản vay trị giá 25.848.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi tám đồng), trong đó bao gồm: 24.000.000 đồng tiền vay và 1.848.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay với lãi suất 58%/năm. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày 15/04/2023 đến ngày 15/03/2025.

Sau khi ký kết, Công ty T đã tiến hành giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông Nguyễn Minh K với hình thức chuyển khoản qua số tài khoản ngân hàng mà ông Nguyễn Minh K đã cung cấp. Qua đó, ông Nguyễn Minh K có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền hàng tháng cho phía Công ty T theo đúng thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Minh K đã thanh toán được 01 kỳ với tổng số tiền: 3.062.349 đồng (Bằng chữ: Ba triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi chín đồng)

Tuy nhiên, từ ngày 28/04/2023, ông Nguyễn Minh K không trả thêm bất cứ khoản tiền nào đối với khoản vay mà phía Công ty T đã giải ngân, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, để khoản vay quá hạn.

Công ty đã nhiều lần nhắc nhở, liên hệ qua điện thoại đề nghị ông Nguyễn Minh K tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng ông Nguyễn Minh K vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào đối với Công ty T.

Như vậy, ông Nguyễn Minh K đã không thanh toán đúng hạn theo quy định của Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, vi phạm nghĩa vụ đối với Công ty T.

Tính đến ngày 29/08/2025, ông Nguyễn Minh K đã không thanh toán, trễ hạn các khoản tiền như sau:

- Số nợ gốc còn lại chưa thanh toán (số tiền gốc phải thanh toán): 25.192.287 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 15.791.020 đồng.
- Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn ($150\% \times \text{lãi suất năm} \times \text{số tiền gốc phải trả mỗi kỳ} \times \text{số ngày trễ hạn} / 365 \text{ ngày}$): 26.482.115 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán ($10\% \times \text{số tiền lãi phải thanh toán mỗi kỳ} \times \text{số ngày trễ hạn} / 365 \text{ ngày}$): 2.686.584 đồng.

Như vậy, tính đến ngày 29/08/2025 số tiền ông Nguyễn Minh K phải thanh toán (bao gồm dư nợ gốc, lãi) là: 70.152.006 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, không trăm lẻ sáu đồng).

Vì vậy, nay Công ty T (Việt Nam) yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Minh K phải thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty T (bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi, phí) tính đến ngày 29/08/2025 với tổng số tiền là: 70.152.006 đồng (Bảy mươi triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, không trăm lẻ sáu đồng). Đồng thời, ông Nguyễn Minh K phải thanh toán lãi phát sinh từ 30/08/2025 đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay nói trên.

Bị đơn ông Nguyễn Minh K đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Nai:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông K không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay và lãi suất là 70.152.006 đồng (Bảy mươi triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, không trăm lẻ sáu đồng).

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông K phải chịu án phí DSST tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Nai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Minh K đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hải N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Minh K có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại số B, tổ C, ấp B, xã Đ (xã P, huyện N), tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực

2, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay và lãi suất theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số: 4402479 ngày 16/3/2023 thì xác định việc ký hợp đồng tín dụng thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 để giải quyết vụ án.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công ty T (Việt Nam) yêu cầu ông K có trách nhiệm trả số tiền 70.152.006 đồng (trong đó: tiền gốc là 25.192.287 đồng, tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 15.791.020 đồng, Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn là: 26.482.115 đồng và số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán là: 2.686.584 đồng). Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số: 4402479 ngày 16/3/2023, báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng và báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng.

Sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Minh K nhưng ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã có đủ cơ sở để xác định vào ngày 16/3/2023 ông Nguyễn Minh K có ký hợp đồng tín dụng số: 4402479 với Công ty T (Việt Nam) về việc cấp tín dụng cho ông Nguyễn Minh K với khoản vay trị giá 25.848.000 đồng, trong đó bao gồm: 24.000.000 đồng tiền vay và 1.848.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay với lãi suất 58%/năm. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày 15/04/2023 đến ngày 15/03/2025. Sau khi ký kết, ông K đã được giải ngân số tiền trên. Do đó, ông Nguyễn Minh K có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền hàng tháng cho phía Công ty T theo đúng thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Minh K mới chỉ thanh toán được 01 kỳ với tổng số tiền: 3.062.349 đồng sau đó không trả thêm bất cứ khoản tiền nào đối với khoản vay mà phía Công ty T đã giải ngân, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, để khoản vay quá hạn. Phía Công ty T đã nhiều lần liên hệ nhưng ông K vẫn cố tình không thực hiện.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Minh K có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty T

số tiền 70.152.006 đồng (trong đó: tiền gốc 25.192.287 đồng, tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 15.791.020 đồng, số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 26.482.115 đồng và số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán: 2.686.584 đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.507.600 đồng.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) đối với bị đơn ông Nguyễn Minh K về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Xử buộc ông Nguyễn Minh K phải trả cho Công ty T (Việt Nam) tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 70.152.006 đồng (bảy mươi triệu một trăm năm mươi hai nghìn không trăm linh sáu đồng). Trong đó: tiền gốc là 25.192.287 đồng, tiền lãi là 44.959.719 đồng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Minh K phải nộp 3.507.600 đồng (ba triệu năm trăm linh bảy nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) số tiền 1.134.581 đồng (một triệu một trăm ba mươi tư nghìn năm trăm tám mươi một đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0022623 ngày 06 Tháng 01 Năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Minh K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho

vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND cung cấp;
- THA DS tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hằng